

Bản án số: 02/2024/LĐ-PT

Ngày 21-3-2024

V/v Đơn phương chấm dứt Hợp
đồng lao động, tiền lương và trợ
cấp chấm dứt Hợp đồng lao động

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Ông Mai Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định: Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 02/2023/TLPT-LĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động, tiền lương và trợ cấp chấm dứt Hợp đồng lao động.

Do bản án lao động sơ thẩm số 03/2023/LĐ-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 124/2023/QĐ-PT ngày 02-01-2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐ-PT ngày 08-01-2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Thu D; sinh năm 1984; cư trú tại: Số B đường N, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt tại phiên tòa).

Người đại diện theo uỷ quyền của chị D: Chị Phùng Thị Huyền T, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ A Khu G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: B N, thị trấn T, huyện T, thành phố Hà Nội, và (theo giấy uỷ quyền ngày 23-11-2022). (Chị Phùng Thị Huyền T có mặt tại

phiên tòa.)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị D: Luật sư Hoàng Vĩnh T1; Luật sư Nguyễn Văn T2; Luật sư Phạm Thế H1; Luật sư Lê Thu H2 – đều thuộc Công ty L1 - Đoàn luật sư thành phố H. *(Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị D vắng mặt tại phiên tòa).*

- Bị đơn: Trường Cao đẳng C; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc T3 – Chức vụ: Hiệu trưởng. địa chỉ trụ sở: Số F đường H, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt.)*

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T3: Bà Vũ Thị Thanh H3, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Số A P, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định; ông Trần Văn P, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Số A G, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; ông Hoàng Mai S, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Số D T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt.)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là chị Trịnh Thị Thu D và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Tháng 01 năm 2008, chị Trịnh Thị Thu D được tuyển dụng vào làm việc tại Trường Cao đẳng C theo Hợp đồng lao động số 248 ngày 29-01-2008, hệ số lương 2,34/tháng và được hưởng 85% lương trong 1 năm (12 tháng), công việc là giáo viên. Hợp đồng làm việc là hợp đồng có thời hạn 12 tháng, cũng là thời gian thử việc của chị D. Sau khi kết thúc thời gian thử việc, ngày 03-3-2009 hai bên có ký Hợp đồng không xác định thời hạn số 45/2009/HĐLĐ-CĐNCNDM. Cụ thể chị D được bổ nhiệm vào viên chức, ngạch giáo viên khoa Tin học - Ngoại ngữ, bậc 1, hệ số lương 2,34. Quá trình công tác, chị D luôn hoàn thành tốt công việc được giao, hàng năm đều có đánh giá và không vi phạm kỷ luật gì. Chị D làm giáo viên khoa Tin học - Ngoại ngữ, không được giao hay chuyển đổi sang công việc khác. Trong quá trình công tác chị D đã được Trường Cao đẳng C cử đi đào tạo văn bằng II từ tháng 4-2016 đến tháng 10-2017, nghề đào tạo là Cao đẳng, chính quy, nghề may thời trang. Làn nâng lương gần nhất của chị D theo Quyết định số 98/2018 ngày 13-3-2018. Còn các phụ cấp khác thì đều có văn bản đầy đủ. Tuy nhiên chị D chỉ được hưởng lương đến hết tháng 5-2014. Chế độ bảo hiểm của chị D đã được đóng hàng tháng nên chị D không tranh chấp về bảo hiểm với nhà trường. Chị D được nhà trường đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 3-2008 đến tháng 4-2021 thì nhà trường ra quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động với chị D. Trước khi chấm dứt Hợp đồng lao động chị D được hưởng lương và phụ cấp theo chế độ là 6.329.297 đồng.

Trước khi Trường Cao đẳng C ra Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc số 108/2021 ngày 26-4-2021 thì chị D không được thông báo hay tham gia các cuộc họp về việc nhà trường sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với chị D và cũng không được tuyên truyền, phổ biến chính sách, quán triệt chính sách

theo đúng quy định. Trước khi thực hiện việc chấm dứt Hợp đồng lao động với các giáo viên trong diện chấm dứt thì nhà trường không thông báo tới các tổ chức đảng, đoàn thể, các đơn vị trực thuộc, cán bộ, viên chức, giáo viên và công nhân viên trong trường được biết và không bố trí công việc mới cho chị D. Theo Quyết định số 108/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 nhà trường chấm dứt Hợp đồng làm việc với chị D kể từ ngày 04-5-2021. Như vậy, nhà trường đã vi phạm quy định thời hạn báo trước phải ít nhất 45 ngày.

Chị D cũng không biết về việc nhà trường có thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc xây dựng và ban hành các kế hoạch, phương án, thông báo, chế độ chính sách, hướng dẫn và phiếu đánh giá, chấm điểm phân loại từng cá nhân tự đánh giá sau đó đơn vị trực tiếp quản lý viên chức đánh giá đến tổ giúp việc hay không, vì theo chị D việc đánh giá, chấm điểm của Ban chỉ đạo thuộc về đợt tinh giản biên chế trước. Nhà trường chấm dứt Hợp đồng làm việc với chị D là đơn phương không có lý do, việc chi trả trợ cấp thôi việc và hỗ trợ thôi việc theo Quyết định số 109/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng C. Chị D chỉ được nhận tiền lương và phụ cấp đến hết tháng 5 năm 2014 bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng V số tài khoản 100004323206. Từ tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm Nhà trường đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động thì chị D không nhận được lương và phụ cấp, cũng không nhận được khoản tiền nào từ phía nhà trường từ khi có Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động. Sau khi đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động với chị D do mức chi trả của nhà trường không đúng với khoản 1 Điều 10 Nghị định 108 của Chính phủ nên chị D không nhất trí và thực tế nhà trường cũng chưa chi trả cho chị D. Chị D đã nhận Quyết định thôi việc, sổ bảo hiểm xã hội và bảng kê hỗ trợ viên chức mà chị D đã nộp kèm theo đơn khởi kiện. Chị D không nhận được thông báo số 33/TT-CĐCNDM ngày 11-3-2021 của Hiệu trưởng về việc triệu tập cuộc họp về việc thông báo chấm dứt Hợp đồng làm việc đối với viên chức cũng như biên bản cuộc họp gặp mặt, trao đổi, đối thoại, thông báo thời điểm nhà trường chấm dứt Hợp đồng làm việc đối với viên chức ngày 15-3-2021. Việc nhà trường không được cấp kinh phí từ tập đoàn D1 không phải là trường hợp bất khả kháng để đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động với chị D. Trường hợp có bất khả kháng hay không thì nhà trường phải chứng minh.

Chị D và các viên chức khác có tham gia hòa giải hay không ông H không nắm rõ, tuy nhiên chị D có ủy quyền cho ông Phạm Thế H1 tham gia buổi hòa giải với Liên đoàn Lao động thành phố N ngày 22-11-2021, khi đó đại diện nhà trường có ý kiến chấm dứt Hợp đồng làm việc với chị D theo hình thức tinh giản biên chế. Nay chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thực hiện một số nghĩa vụ sau:

1. Buộc bị đơn có trách nhiệm chi trả các khoản tiền trợ cấp cho nguyên đơn theo chính sách tinh giản biên chế số tiền là 125.375153 đồng theo đúng quy định tại Nghị Định 108/2014/NĐ- CP ngày 20-11-2014.

2. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền lương còn nợ nguyên đơn từ 01-6-2014 đến ngày 30-4-2021 là 421.922.134 đồng.

3. Buộc bị đơn trả tiền lương cho nguyên đơn trong những ngày không được làm việc tạm tính từ 01-5-2021 đến ngày 23-8-2023 số tiền là 177.743.480 đồng; trả thêm 06 tháng tiền lương là 37.975.782.000 đồng; bị đơn phải chi trả trợ cấp theo chính sách tinh giản biên chế là 125.375.153 đồng và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

4. Yêu cầu Tòa tuyên hủy “Quyết định chấm dứt Hợp đồng làm việc” của bị đơn với nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thực hiện lại quy trình tinh giản biên chế theo đúng trình tự, thủ tục quy định về việc tinh giản biên chế trong đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Buộc bị đơn có nghĩa vụ bồi thường cho nguyên đơn chi phí tố tụng, bao gồm phí thuê luật sư, photocopy, chứng thực tài liệu và chi phí đi lại là 10.000.000 đồng.

6. Yêu cầu bị đơn phải xin lỗi nguyên đơn công khai bằng văn bản, đăng ba kỳ liên tục trên trang điện tử và báo giấy của báo L2 về hành vi đơn phương chấm dứt Hợp đồng làm việc trái pháp luật.

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ chi trả, bồi thường thiệt hại tạm tính đến ngày 23-8-2023 là 773.016.549 đồng.

Nguyên đơn không có nhu cầu trở lại làm việc tại Trường Cao đẳng C.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Về tư cách pháp nhân: Trường Cao đẳng C tiền thân là T4 Công nhân kỹ thuật trực thuộc Nhà máy D2 được thành lập theo Quyết định số 934/BCNN ngày 25-7-1968 của Bộ C1 nhẹ. Ngày 16-9-1996 trường được đổi tên thành Trường C trực thuộc Tổng công ty D3 theo Quyết định số 2552/QĐ-TCCB của Bộ C1 nhẹ. Ngày 16-3-1998 T4 được đổi tên thành Trường C theo Quyết định số 17/1998/QĐ-BCN của Bộ C1. Năm 2003, T4 nâng cấp thành Trường C trực thuộc Tổng công ty D3 theo Quyết định số 252/2003/QĐ-BCN ngày 31-12-2003 của Bộ C1. Đến năm 2007 T4 nâng cấp thành Trường Cao đẳng C theo Quyết định số 612/QĐ-BLĐT BXH ngày 11-5-2007 của Bộ L3, đến ngày 09-4-2009 T4 được đổi tên thành Trường Cao đẳng N. Ngày 07-02-2017 T4 được đổi tên thành Trường Cao đẳng C theo Quyết định số 133/QĐ-LĐT BXH của Bộ L3. Hiện tại nhà trường là đơn vị sự nghiệp được Chính phủ tạm giao cho Tập đoàn D1 quản lý vốn, tài sản, nhân sự theo văn bản số 3993/VPCP-ĐMDN ngày 01-6-2015 của Văn phòng C2. Hiệu trưởng là ông Nguyễn Khắc T3. Như vậy, Trường Cao đẳng C là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục, có quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Trước năm 2015 Trường Cao đẳng C thuộc Tập đoàn D1 quản lý. Trường Cao đẳng C là đơn vị do Chính phủ tạm giao cho Tập đoàn D1 quản lý theo văn bản số 3993/VPCP-ĐMDN ngày 01-6-2015 của Văn phòng C2. Từ ngày 01-6-2015 đến nay chưa có văn bản nào thay thế văn bản số 3993/VPCP-ĐMDN.

Tháng 12-2015 khi Tập đoàn D1 chuẩn bị cổ phần hóa thì có giải quyết cho nhà trường được tinh giản biên chế theo Nghị định 108 bằng nguồn kinh phí của Tập đoàn và được phê duyệt của các Bộ, Chính phủ và được vận dụng Nghị định 108 (mặc dù nhà trường không thuộc đối tượng áp dụng Nghị định 108, vì việc tinh giản biên chế phải thành lập đề án và phải được các Bộ và Chính phủ đồng ý).

Trường Cao đẳng C không được nhà nước cấp ngân sách bảo đảm chi thường xuyên cũng như đảm bảo một phần chi thường xuyên. Trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020 nhà trường được thụ hưởng một phần nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước hỗ trợ “đề tăng cường cơ sở vật chất, tổ chức thực hiện đào tạo” thực hiện chương trình đào tạo nguồn nhân lực dệt may Việt Nam theo Thông tư số 32/2010/TT-BTC ngày 09-3-2010 của Bộ T5 hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện “chương trình đào tạo nguồn nhân lực dệt may Việt Nam”, Quyết định số 36/2008/QĐ-TTg ngày 14-3-2008 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020. Nguồn kinh phí nhà nước chỉ hỗ trợ cho đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành như: dệt may; thiết kế thời trang; dệt nhuộm. (03/12 ngành nghề nhà trường tuyển sinh và đào tạo trong giai đoạn từ 2010 đến năm 2020). Tuy nhiên, theo Quyết định số 473/QĐ-TTg ngày 29-3-2021 của chính phủ quyết định từ năm 2021 trở đi, ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực dệt may, T4 thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định. Do đó, nhà trường duy trì hoạt động bằng nguồn thu từ hoạt động đào tạo, hợp tác đào tạo, khoa học, công nghệ, dịch vụ sản xuất, liên doanh liên kết theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường không có ngân sách cho hoạt động thường xuyên. Toàn bộ việc trả lương cho cán bộ, viên chức và nhân viên nhà trường đều do nguồn thu từ hoạt động đào tạo của nhà trường.

Loại hình đơn vị sự nghiệp công lập nhưng thuộc loại hình doanh nghiệp và từ năm 2015 đến nay là thuộc đơn vị doanh nghiệp cổ phần hóa. Từ năm 2015 Chính phủ tạm giao cho Tập đoàn D1 quản lý.

Về quy trình chấm dứt Hợp đồng với chị D: Ngày 01-01-2008 chị Trịnh Thị Thu D được tuyển dụng công tác tại Trường Cao đẳng C theo Quyết định về việc tiếp nhận và phân công cán bộ số 572/QĐ-CĐNCNDM và Quyết định tiếp nhận cán bộ số 71/QĐ-CĐNCNDM ngày 03-3-2009 của Hiệu trưởng trường cao đẳng C và nay là Cao đẳng công nghiệp dệt may Nam Định với hệ số lương 2,34. Khi được tuyển dụng thì công việc chính là giáo viên trung học, mã số A1-15.113. Trong quá trình công tác chị D đã được Trường Cao đẳng C điều động làm việc tại các khoa của trường. Cụ thể: ngày 01-4-2016 được nhà trường cử đi học lớp chuyển đổi nghề may theo Quyết định số 149 ngày 30-3-2016 của Hiệu trưởng nhà trường. Sau khi học xong nhà trường điều động từ 01-7 2018 đến xưởng thực nghiệm may theo Quyết định số 226 ngày 26-6-2018 của Hiệu trưởng. Từ khi được điều động đến xưởng chị D không đến làm việc và có đơn xin tự đi liên hệ thực tập nâng cao kỹ năng nghề 06 tháng (Từ 31-8-2018 đến hết tháng 02-2019). Sau khi kết thúc việc thực tập này thì chị D có đến dự buổi gặp

mặt với Hiệu trưởng. Tại buổi gặp mặt nhà trường có thông báo kết luận số 25 ngày 05-3-2019, về việc trao đổi nguyện vọng giữa nhà trường với cá nhân viên chức. Chị D có mặt. Sau đó chị D có bản đăng ký đồng ý chủ trương tinh giảm biên chế theo kế hoạch của nhà trường. Bản đăng ký của chị D ghi ngày 13-3-2019. Ngày 10-3-2021 Ban chấp hành Đảng ủy và Hội đồng nhà trường ban hành biên bản kết luận về kết quả, về đối tượng người cụ thể chấm dứt Hợp đồng làm việc theo phương án đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động những đối tượng đã có biên bản kết luận. Trước khi Quyết định thôi việc đối với chị D, nhà trường đã gặp mặt, giải thích, thông báo thời điểm chấm dứt Hợp đồng làm việc. Thông báo số 33/TT-CĐCNDM ngày 11-3-2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng C về việc triệu tập cuộc họp thông báo chấm dứt Hợp đồng làm việc đối với viên chức. Biên bản cuộc họp gặp mặt, trao đổi, đối thoại, thông báo thời điểm nhà trường chấm dứt Hợp đồng làm việc đối với viên chức ngày 15-3-2021. Tại buổi họp ngày 15-3-2021 chị D có mặt tham gia và đã có ý kiến “Bản thân thuộc danh sách tinh giảm biên chế tôi thấy rất buồn, mong muốn Nhà trường tinh giảm biên chế phải công bằng, đề nghị xem xét các trường hợp khác như Bạch Thị Thúy H4, Vũ Thị S1”. Nhà trường đã thông báo và phổ biến thời gian chấm dứt Hợp đồng làm việc và lý do chấm dứt Hợp đồng làm việc và chế độ chính sách chi trả, trợ cấp thôi việc theo Luật Viên chức, đồng thời Nhà trường cũng chi hỗ trợ thôi việc. Sau khi ra Quyết định chấm dứt Hợp đồng làm việc với chị D thì nhà trường đã gửi Quyết định chấm dứt Hợp đồng làm việc, chi trả, hỗ trợ thôi việc tới chị D. Cụ thể chị D đã nhận Quyết định thôi việc; chi trả trợ cấp, hỗ trợ thôi việc; hồ sơ viên chức; Sổ bảo hiểm xã hội và nhận chế độ chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc của nhà trường (số tháng hưởng trợ cấp thì nhà trường đã áp dụng Điều 58 của Nghị định số 115/NĐ- CP ngày 25-9-2020, của Chính phủ là 01 tháng với số tiền là 5.408.253 đồng (theo Luật Viên chức). Số tiền hỗ trợ của nhà trường theo quy chế hỗ trợ cho chị D theo biên bản số 76 ngày 01-6-2020 của Trường Cao đẳng C là 03 tháng lương hiện hưởng cụ thể là 16.224.759 đồng (theo quy định nội bộ của nhà trường theo biên bản số 63 ngày 28-4-2020); tổng cộng là 21.633.012 đồng). Chị D đã trực tiếp nhận là 17.792.082, có ký nhận ngày 26-7-2021 và chuyển khoản vào số tài khoản của chị D 3.840.930 đồng ngày 29-9-2021. Sau khi nhận được số tiền trên thì cá nhân chị D không có ý kiến gì. Đến ngày 22-11-2021 khi làm việc tại L để giải quyết kiến nghị của 11 cán bộ, giáo viên trong trường (trong đó có chị D) thì Nhà trường mới biết chị D có đơn kiến nghị. Nhà trường là đơn vị sự nghiệp không thuộc phạm vi cơ quan tổ chức đơn vị thuộc diện được áp dụng Nghị định 108/2014/CP.

Lương của chị Trịnh Thị Thu D trước khi tinh giảm biên chế cụ thể như sau:

Từ 18-02-2008 đến tháng 02-2009 hưởng 85% số 2,34. Từ ngày 01-3-2009 đến hết tháng 02-2012 hưởng bậc 1 hệ số 2,34/9. Từ tháng 3-2012 đến hết tháng 02-2015 hưởng bậc 2, hệ số 2,67. Từ tháng 3-2015 đến hết tháng 3-2018 hưởng bậc 3 hệ số 3,00; từ tháng 3-2018 đến khi chấm dứt Hợp đồng làm việc thì được hưởng bậc 4, hệ số 3,33;

Từ tháng 4-2016 đến tháng 6-2018 chị D đi học lớp chuyển đổi nghề may thời trang, nhà trường vẫn trả lương theo quy chế nội bộ của nhà trường, khoảng 3.476.269 (tháng 7-2016).

Từ tháng 7-2018 sau khi chị D tốt nghiệp nhà trường đã phân công chị D nhận nhiệm vụ tại xưởng thực nghiệm may của nhà trường, xưởng may của nhà trường chịu trách nhiệm chăm công và trả lương cho chị D, nhưng chị D không nhận nhiệm vụ (có văn bản của xưởng may ngày 04-7-2018) nên chị D không được trả lương. Nhà trường có tạo điều kiện cho chị D tham gia thực hành ở các doanh nghiệp để nâng cao tay nghề (do chị D có đơn xin tự liên hệ thực tập nghề), từ tháng 7-2018 cho đến khi nhà trường chấm dứt hợp đồng lao động với chị D Nhà trường chỉ đồng ý hỗ trợ đóng BHXH, BHYT và BHTN thời gian chị D đi thực tập, nhưng không trả lương.

- Phụ cấp thâm niên nhà giáo: Từ tháng 4-2014 đến hết tháng 3-2015 hưởng 5%; từ tháng 4-2015 đến tháng hết 3-2016 hưởng 6%; từ tháng 4-2016 đến hết tháng 3-2017 hưởng 7%; từ tháng 4-2017 đến hết tháng 3-2018 hưởng 8%; từ tháng 4-2018 đến khi chấm dứt Hợp đồng làm việc thì được hưởng 9%;

- Phụ cấp đứng lớp: Theo quy định của pháp luật vì chị D không đứng lớp nên không được hưởng.

Chế độ bảo hiểm của chị D được Nhà trường đóng như sau:

- Tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc gồm lương theo ngạch (chức danh nghề nghiệp), bậc, phụ cấp thâm niên nhà giáo; tỷ lệ trích đóng BHXH là 8%, BHYT là 1,5%, BHTN (thực hiện từ 01-1-2009) là 01% tổng là 10,5%.

Nhà trường trích đóng tỷ lệ BHXH là 17%, BHTNLD-BNN là 0,5%, BHYT là 1,5%, BHTN (thực hiện từ 01-1-2009) là 1% tổng là 21,5%. Tổng tỷ lệ của nhà trường và chị D phải đóng là 32% tiền lương theo ngạch (chức danh nghề nghiệp), bậc, phụ cấp thâm niên nhà giáo (Các chế độ trên nhà trường đã đóng đầy đủ nên cũng đã chốt bảo hiểm, đồng thời đã giao toàn bộ hồ sơ cho chị D, chị D đã nhận).

Vì vậy, nhà trường chỉ trả lương cho chị D đến thời điểm hết tháng 6 năm 2018. Cụ thể chị D được hưởng lương và phụ cấp nhà giáo thời điểm đó là: hưởng lương bậc 4, hệ số 3,33, thực hưởng là 4.961.700 đồng. Phụ cấp thâm niên nhà giáo hưởng 9%. phụ cấp là 446.553 đồng. Tổng cộng là 5.408.253 đồng (Thực tế lương của chị D được nhà trường chi trả theo số tiết giảng dạy và ngày chăm công).

Tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế không đề cập đến trợ cấp mất việc làm.

Trợ cấp mất việc làm (về đối tượng chi trả, hưởng và quy định thời gian, tiền lương để tính trợ cấp mất việc làm) quy định tại Điều 47 của Bộ Luật lao động, số 45/2019/QH14 ngày 20-11-2019; các khoản 2,3,4,5,6 Điều 8 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14-12-2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng

dẫn một số điều của Bộ Luật lao động. Nhà trường không phải đối tượng hưởng trợ cấp mất việc làm nên nhà trường không chi trả theo yêu cầu trên.

Nhà trường là đơn vị sự nghiệp được Chính phủ tạm giao cho Tập đoàn D1 quản lý theo văn bản số 3993/VPCP-ĐMDN ngày 01-6-2015 của Văn phòng C2. Nhà trường không được nhà nước cấp ngân sách bảo đảm chi thường xuyên cũng như đảm bảo một phần chi thường xuyên. Sau khi Tập đoàn D1 đã cổ phần hoá, trường không thuộc phạm vi cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện áp dụng tại Điều 1 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế để giải quyết chế độ cho viên chức thôi việc. Nhà trường không có nguồn kinh phí thường xuyên và không được nhà nước cấp nguồn kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo Điều 13 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31-8-2018 của Chính phủ, Nghị định số 143/NĐ-CP ngày 10-12-2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế. Nhà trường chỉ là đơn vị trực thuộc doanh nghiệp nhà nước là Tập đoàn D1. Đến năm 2015 do Tập đoàn D1 thì Nhà trường chỉ là đơn vị sự nghiệp được Chính phủ tạm giao cho Tập đoàn D1 quản lý.

Ngoài ra, chị Trịnh Thị Thu D không thuộc đối tượng áp dụng cũng như không thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế để giải quyết chế độ cho viên chức thôi việc. Nghị định số 143/NĐ-CP ngày 10-12-2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế. Chị D là viên chức thuộc doanh nghiệp đã cổ phần hóa, không phải là viên chức thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội theo khoản 2 Điều 1 Nghị định 108/2014. Tóm lại, nhà trường không thuộc đối tượng áp dụng Điều 1 của Nghị định 108 nêu trên. Ngoài ra, nhà trường cũng không thuộc đối tượng được cấp kinh phí để thực hiện theo Điều 13 của Nghị định 108 về chính sách tinh giản biên chế.

Căn cứ để nhà trường chấm dứt Hợp đồng làm việc với chị Trịnh Thị Thu D là: Điểm b khoản 1 Điều 57 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25-9-2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và điểm d khoản 1 Điều 29 Luật Viên chức số 58/2010/QH12, từ khi có chủ trương đến khi chấm dứt Hợp đồng lao động với chị D nhà trường đã làm đúng, đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về lý do khách quan: Nhà trường thực hiện việc đơn phương chấm dứt hợp đồng do những lý do khách quan như sau:

Một là: Trường vẫn thuộc Tập đoàn D1 được tạm giao quản lý, không có cơ chế chính sách hỗ trợ trường như các trường công lập trực thuộc Chính phủ, Bộ, địa phương.

Hai là: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Tập đoàn D1 giao nhiệm vụ cho nhà trường bằng mọi cách thu hẹp quy mô và giảm biên chế tới mức tối đa

có thể để duy trì hoạt động ổn định nhà trường trong lúc đang chờ Chính phủ quyết định ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà trường và đơn vị chủ quản chính thức.

Ba là: Do cuối năm 2019, năm 2020 và đầu năm 2021 đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Chính phủ xiết chặt công tác kiểm soát dịch bệnh, đi lại của toàn xã hội làm ảnh hưởng lớn đến công tác tiếp thị tuyển sinh tới người học và phụ huynh do đó số lượng tuyển sinh, nguồn thu tài chính của trường mất cân đối thu chi, nhà trường buộc phải thu hẹp quy mô hoạt động và giảm biên chế.

Bốn là: Từ năm 2021 trở đi trường thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Quyết định số 473/QĐ-TTg ngày 29-3-2021 của Chính phủ. Nhà trường không được nhà nước cấp ngân sách chi cho hoạt động thường xuyên, không có ngân sách cấp hỗ trợ đào tạo, do đó nhà trường rất khó khăn không cân đối được thu chi, dôi thừa biên chế so với nhiệm vụ do số lượng học sinh, sinh viên sụt giảm nghiêm trọng, để ổn định và duy trì hoạt động trường phải sắp xếp tinh gọn bộ máy, nhân sự phù hợp với tình hình thực tế.

Năm là: Trong bối cảnh từ năm 2014 đến nay công tác tuyển sinh khó khăn, mất cân đối thu chi, nhân lực dôi dư không bố trí được việc làm. Lãnh đạo nhà trường đã tìm mọi giải pháp để khắc phục khó khăn, cho giáo viên học tập, bồi dưỡng để chuyển đổi vị trí việc làm, tạo điều kiện cho CBCNV liên hệ chuyển công tác, làm việc bên ngoài để lo cho đời sống, bố trí nhà xưởng cho CBCNV có việc làm, nhưng giáo viên không có nhu cầu làm việc mới, do tình hình hoạt động của nhà trường bất khả kháng về bố trí việc làm và nguồn kinh phí không đủ chi trả tiền lương, bảo hiểm do đó trường đã thực hiện các bước quy trình giải quyết lao động dôi dư theo quy định của pháp luật.

Căn cứ để nhà trường chi trả trợ cấp thôi việc và hỗ trợ thôi việc khi chấm dứt Hợp đồng làm việc với chị Trịnh Thị Thu D: Nhà trường chấm dứt Hợp đồng làm việc với chị Trịnh Thị Thu D kể từ ngày 04-5-2021 theo Quyết định số 108/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng C và chi trả trợ cấp thôi việc và hỗ trợ thôi việc theo Quyết định số 109/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng C. Nhà trường căn cứ điểm d khoản 1 Điều 39 của Nghị định hợp nhất số 03/NĐHN-BNV ngày 21-5-2019 của Bộ N1 và các điểm a, b, d khoản 1 Điều 58 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP để thực hiện chi trả trợ cấp thôi việc đối với viên chức theo quy định, đồng thời hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm kiếm việc làm của nội bộ nhà trường (căn cứ biên bản số 63 ngày 28-4-2020). Chị D không thuộc đối tượng để áp dụng Nghị định 108 nên Nhà trường không nhất trí với yêu cầu về việc chị D sẽ nhận được các khoản trợ cấp như trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm và trợ cấp 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác.

Quan điểm của Nhà trường về các yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về yêu cầu buộc T4 có trách nhiệm chi trả số tiền lương còn nợ từ 01-6-2014 đến ngày 30-4-2021 là 421.922.134 đồng: Nhà trường đã trả lương cho chị D từ ngày 01-6-2014 đến 30-6-2018; L tháng = Mức lương cơ sở (Chính phủ quy định từng thời điểm cụ thể) nhân với hệ số lương (theo ngạch, bậc) cộng với

phụ cấp thâm niên nhà giáo (phụ cấp TNNG được tính bằng: Hệ số lương x lương cơ sở x % thâm niên hưởng tại thời điểm của tháng) trừ 10,5% trích nộp BHXH (% tỷ lệ trích nộp tùy từng thời điểm do cơ quan BHXH quy định). Lương tháng phụ thuộc vào ngày công chấm đi làm, ngày nghỉ lễ, tết, phép, làm thêm giờ...(nghỉ ốm, thai sản, do cơ quan BHXH chi trả). Nhà trường đã thanh toán đầy đủ cho chị D, nên việc yêu cầu này của chị D không thể chấp nhận được.

2. Về yêu cầu buộc trường Cao đẳng Công nghiệp dệt may Nam Định trả tiền lương cho chị D trong những ngày không được làm việc tạm tính từ 01-5-2021 đến ngày 23-8-2023 số tiền là 175.743.480 đồng và trả thêm 06 tháng tiền lương là 37.975.782.000 đồng, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật: Nhà trường đã thực hiện theo đúng quy trình về đơn phương chấm dứt Hợp đồng làm việc đối với chị D theo quy định của pháp luật và thực hiện chi trả trợ cấp thôi việc theo quy định, do đó nhà trường không nhất trí với yêu cầu của chị D.

3. Về yêu cầu buộc T4 có trách nhiệm chi trả các khoản tiền trợ cấp mất việc theo chính sách tinh giảm biên chế, với tổng số tiền là 125.375153 đồng: Nhà trường đã thực hiện theo đúng chính sách pháp luật, nên không nhất trí với yêu cầu này.

4. Về yêu cầu buộc trường có trách nhiệm bồi thường chi phí tố tụng, bao gồm phí thuê Luật sư, photocopy, chứng thực tài liệu và chi phí đi lại với tổng số tiền là 10.000.000 đồng: Nhà trường đã thực hiện theo đúng chính sách pháp luật. Việc chị D khởi kiện là do chị D tự nghĩ ra nên chị D phải tự chịu trách nhiệm.

5. Về yêu cầu nhà trường phải xin lỗi chị D công khai bằng văn bản, đăng ba kỳ liên tục trên trang điện tử và báo giấy của L2 về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật, nhà trường có quan điểm: Nhà trường khẳng định đã thực hiện việc chấm dứt Hợp đồng làm việc với chị D theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, nhà trường không chấp nhận yêu cầu này của chị D.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện của nguyên đơn xin rút yêu cầu buộc nhà trường có trách nhiệm bồi thường chi phí tố tụng, bao gồm phí thuê Luật sư, photocopy, chứng thực tài liệu và chi phí đi lại với tổng số tiền là 10.000.000 đồng cũng như yêu cầu nhà trường phải xin lỗi chị D công khai bằng văn bản, đăng ba kỳ liên tục trên trang điện tử và báo giấy của L2 về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật. Các yêu cầu khác đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đã trình bày.

Đại diện theo ủy quyền của nhà trường không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Trường hợp yêu cầu của chị D được chấp nhận thì đề nghị Tòa án buộc chị D phải thực hiện nghĩa vụ của người lao động phải trích nộp 10,5% của tiền lương cơ sở hiện hưởng cộng với % thâm niên để đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của luật bảo hiểm và phải trả lại nhà trường khoản tiền chị D đã nhận khi chấm dứt hợp đồng lao động là 21.633.012 đồng.

Từ nội dung trên, Tại bản án lao động sơ thẩm số 03/2023/LĐ-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 13, khoản 3 Điều 190 Bộ luật lao động; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a, b khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 184; điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Thu D;

1. Tuyên Hủy Quyết định số 108/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 về việc chấm dứt hợp đồng làm việc và Quyết định số 109/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng C về việc chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc đối với bà Trịnh Thị Thu D.

- Thời gian chấm dứt Hợp đồng làm việc tại Trường Cao đẳng C đối với bà Trịnh Thị Thu D kể từ ngày xét xử.

2. Buộc Trường Cao đẳng C có nghĩa vụ chi trả khoản tiền trợ cấp chấm dứt Hợp đồng lao động theo chính sách tinh giảm biên chế cho bà Trịnh Thị Thu D số tiền 109.350.000 đồng (Một trăm linh chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng);

- Buộc Trường Cao đẳng C phải bồi thường cho bà Trịnh Thị Thu D số tiền lương trong những ngày không được làm việc, kể từ ngày 04-5-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29-9-2023) là 139.726.000 đồng (Một trăm ba chín triệu bảy trăm hai sáu nghìn đồng).

- Buộc Trường Cao đẳng C phải bồi thường cho bà Trịnh Thị Thu D 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc là 9.681.000 đồng (Chín triệu sáu trăm tám một nghìn đồng).

Tổng số tiền Trường Cao đẳng C trả cho bà Trịnh Thị Thu D là 258.757.000 đồng nhưng được đối trừ khoản tiền bà D đã nhận là 21.633.000 đồng. Trường Cao đẳng C còn phải trả cho bà Trịnh Thị Thu D tổng cộng là 237.124.000 đồng (Hai trăm ba bảy triệu một trăm hai bốn nghìn đồng).

- Buộc Trường Cao đẳng C phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trịnh Thị Thu D trong những ngày không được làm việc theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện:

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Trường Cao đẳng C có trách nhiệm trả nguyên đơn số tiền lương còn nợ từ 01-6-2014 đến ngày 30-4-2021;

- Yêu cầu buộc bị đơn có nghĩa vụ bồi thường cho nguyên đơn chi phí tố tụng, bao gồm phí thuê luật sư, photocopy, chứng thực tài liệu và chi phí đi lại.

- Yêu cầu bị đơn phải xin lỗi nguyên đơn công khai bằng văn bản, đăng ba kỳ liên tục trên trang điện tử và báo giấy của báo L2 về hành vi đơn phương chấm dứt Hợp đồng làm việc trái pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12 tháng 10 năm 2023, bà Trịnh Thị Thu D làm đơn kháng cáo với lý do: Sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định. Đề nghị tòa án cấp phúc thẩm buộc Trường cao đẳng C giải quyết đối với khoản tiền lương cơ bản bị đơn chi trả còn thiếu, còn nợ trong khoảng thời gian từ tháng 6-2014 đến hết ngày 3-5-2021 và phán quyết xét hưởng trợ cấp nhà giáo 30% trong phần lương cơ bản cùng các phán quyết liên quan đến yêu cầu đòi bồi thường 10.000.000 đồng chi phí tố tụng và xin lỗi công khai.

* Tại phiên tòa phúc thẩm. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày nội dung kháng cáo:

1. Đề nghị HĐXX tính thời hiệu khởi kiện từ thời điểm bị đơn không trả lương cho chị D là không đúng. Thời điểm tính thời hiệu khởi kiện phải là thời điểm được biết quyền, lợi ích bị xâm phạm;

2. Mức lương làm cơ sở chi trả tiền lương và bồi thường phải bao gồm 30% phụ cấp lương đặc thù công việc;

3. Buộc Trường cao đẳng C phải trả 02 tháng tiền lương theo quy định tại Khoản 3 Điều 42 Bộ luật Lao động 2019;

4. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của bị đơn đã thừa nhận cản trở số tiền bù trừ phí đóng bảo hiểm xã hội những năm trước. Do đó số tiền thực trả cho chị D ít hơn số tiền mà chị D đã ký xác nhận. Tuy nhiên HĐXX sơ thẩm không xem xét, buộc chị D phải trả lại số tiền không nhận là xét xử không khách quan, không toàn diện, không đúng pháp luật.

5. Yêu cầu nhà trường chi trả các khoản chi phí tổ tụng

6. Yêu cầu nhà trường xin lỗi công khai bằng văn bản, đăng ba kỳ liên tiếp trên trang điện tử và báo giấy của L2.

* Cụ thể, buộc Trường cao đẳng C phải chi trả các khoản tiền sau cho chị D:

- Buộc Trường cao đẳng C phải có trách nhiệm trả số tiền lương còn nợ nguyên đơn là 290.314.439 đồng.

- Chị D được hưởng phụ cấp nhà giáo 30% trong phán quyết về bồi thường 2 tháng tiền lương do thực hiện hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật là 2.977.020 đồng.

- Buộc Trường cao đẳng C phải trả tiền phụ cấp nhà giáo 30% trong các phán quyết về khoản tiền trợ cấp theo chính sách tinh giảm biên chế là 37.612.546 đồng.

- Đề nghị HĐXX tuyên chị D được nhận lại số tiền bị nhà trường cản trở đóng bảo hiểm là 17.792.082 đồng.

- Do bị đơn không nhận lại nguyên đơn và nguyên đơn đồng ý thì bị đơn phải trả 2 tháng tiền lương là 12.658.594 đồng.

- Yêu cầu nhà trường chi trả các khoản chi phí tổ tụng là 10.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền chị D yêu cầu bồi thường như đề nghị ở phần trên là 371.354.681 đồng.

Bởi lẽ: Cấp sơ thẩm tính thời hiệu khởi kiện từ thời điểm bị đơn không trả lương cho chị D là không đúng quy định của pháp luật. Thời điểm để tính thời hiệu khởi kiện là thời điểm chị D được biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại. Tại thời điểm tiến hành hòa giải ngày 22-11-2021 ông T3 khẳng định nhà trường còn nợ lương giáo viên từng thời kỳ nhưng khi chấm dứt hợp đồng làm việc với chị D thì không thực hiện quyết toán tiền lương còn nợ. Thời điểm tính thời hiệu khởi kiện về tiền lương còn nợ đọng được tính từ thời điểm chấm dứt hợp đồng làm việc với chị D là ngày 26-4-2021. Ngày 14-3-2022 chị D nộp đơn khởi kiện là vẫn còn thời hiệu.

Đối với mức lương làm cơ sở chi trả tiền lương và bồi thường phải bao gồm 30% phụ cấp lương đặc thù công việc. Chị D là giáo viên trực tiếp giảng dạy nên lương của chị D phải bao gồm 30% phụ cấp lương nhà giáo là phụ cấp theo chức danh nghề nghiệp đặc thù, thời gian không được hưởng phụ cấp nhà giáo được quy định rõ tại thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC. Lý do bị đơn đưa ra căn cứ tính theo Quy chế đặc thù do bị đơn tự xây

dụng là không đúng quy định của luật pháp và bảng chấm công do bị đơn tự tạo lập không đúng thực tế, để xác định chị D không được hưởng 30% phụ cấp nhà giáo. Đề nghị HĐXX xem xét cho nguyên đơn được hưởng 30% phụ cấp nhà giáo và xác định lại thời hiệu khởi kiện về tranh chấp tiền lương.

Về số tiền cản trừ bảo hiểm: Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của bị đơn cũng đã thừa nhận cản trừ số tiền bù trừ phí đóng bảo hiểm xã hội những năm trước. Do đó số tiền thực trả cho chị D ít hơn số tiền mà chị D đã ký xác nhận. Tuy nhiên HĐXX sơ thẩm không xem xét, buộc chị D phải trả lại số tiền không nhận là xét xử không khách quan, không toàn diện, không đúng pháp luật.

Các bên chưa xác lập thời hiệu chấm dứt hợp đồng làm việc và hệ quả của việc người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là phải nhận lại người lao động làm việc. Tuy nhiên tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận với nhau và chấm dứt hợp đồng lao động nên bị đơn có trách nhiệm trả ít nhất hai tháng tiền lương cho nguyên đơn.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về đường lối giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bác đơn kháng cáo của chị Trịnh Thị Thu D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Trịnh Thị Thu D được làm trong thời hạn luật định và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273 BLTTDS nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là Trường Cao đẳng C có địa chỉ trụ sở tại số F H, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân

dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 29-01-2008 chị Trịnh Thị Thu D được Trường Cao đẳng C tiếp nhận về làm việc. Đến ngày 26-4-2021 Trường Cao đẳng C ra Quyết định số 108/QĐ-CĐCNDM về việc chấm dứt Hợp đồng làm việc với chị Trịnh Thị Thu D kể từ ngày 04-5-2021. Ngày 27-11-2022 chị Trịnh Thị Thu D nộp đơn khởi kiện yêu cầu trợ cấp mất việc; về tiền lương; bồi thường do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật; tuyên bố vô hiệu đối với quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc; bồi thường chi phí tố tụng; xin lỗi công khai. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động; tranh chấp tiền lương; yêu cầu bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động theo điểm a, b khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ.

Ông Nguyễn Khắc T3, bà Vũ Thị Thanh H3, ông Trần Văn P, ông Hoàng Mai S, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 296 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Khắc T3, bà Vũ Thị Thanh H3, ông Trần Văn P, ông Hoàng Mai S là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của chị Trịnh Thị Thu D đề nghị toà án cấp phúc thẩm buộc Trường cao đẳng C giải quyết đối với khoản tiền lương cơ bản bị đơn chi trả còn thiếu, còn nợ trong khoảng thời gian từ 01-6-2014 đến 30-4-2021 là 290.314.439 đồng. và phán quyết xét hưởng trợ cấp nhà giáo 30% trong phần lương cơ bản, Hội đồng xét xử nhận thấy.

[2.1] Về thời hiệu: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Trường Cao đẳng C có trách nhiệm trả nguyên đơn số tiền lương còn nợ từ 01-6-2014 đến 30-4-2021 là 290.314.439 đồng. Thực tế chị D đã được nhà trường trả lương theo quy chế tự chủ của nhà trường từ tháng 6-2014 đến hết tháng 6-2018, từ đó đến khi chấm dứt Hợp đồng lao động tháng 5-2021 không được trả lương. Xét thấy tranh chấp về tiền lương là một quan hệ pháp luật, việc trả lương của nhà trường được thực hiện hàng tháng và liên tục nên cần xác định thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp này được tính kể từ thời điểm thực tế được trả lương cuối cùng là tháng 6-2018. Ngày 22-11-2022 chị Trịnh Thị Thu D nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. (Tính từ ngày cuối cùng được trả lương đến ngày nộp đơn khởi kiện là 4 năm 5 tháng). Vì vậy, căn cứ Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019, HĐXX xác định yêu cầu khởi kiện về tiền lương của chị Trịnh Thị Thu D đã hết thời hiệu khởi kiện. Do nhà trường có quan điểm yêu cầu áp dụng thời hiệu, Toà án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 184 và điểm

e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này là có căn cứ.

[2.2] Về mức phụ cấp ưu đãi 30% nhà giáo: Theo Mục 2 Thông tư 09/2008/TT-BLĐTBXH ngày 27-6-2008 tiêu chuẩn giờ giảng của giáo viên trong một năm học chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng là từ 380 giờ đến 450 giờ và Điều 5 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10-3-2017 quy định quy chế làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp thì định mức giờ giảng của nhà giáo trong một năm học là từ 380 giờ đến 450 giờ chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng. Như vậy, trong giai đoạn 01-4-2014 đến 30-4-2021 thì các giáo viên giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng sẽ có định mức giờ dạy là từ 380 đến 450 giờ chuẩn. Theo Quyết định số 184/QĐ-CĐNKTKT ngày 07-5-2014 về việc điều chỉnh, bổ sung một số quy định thuộc Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng N - kỹ thuật VINATEX nay là Trường Cao đẳng C quy định giáo viên trực tiếp giảng dạy đạt 65% số giờ chuẩn định mức trong năm học trở lên thì được chi trả phụ cấp ưu đãi nhà giáo.

Đối với chị D là giáo viên khoa Tin học - Ngoại ngữ không có học sinh, trường đã bố trí tạo điều kiện cho chị D đi học để chuyển đổi nghề nghiệp từ tháng 4- 2016 đến tháng 6-2018, từ tháng 7-2018 sau khi chị D tốt nghiệp nhà trường phân công chị D nhận nhiệm vụ tại xưởng thực nghiệm may, nhưng chị D không nhận nhiệm vụ, có văn bản của xưởng may xác nhận chị D không đến làm việc vào ngày 04-7-2018. Ngoài ra ngày 31-8-2018 chị D cùng một số viên chức khác của nhà trường đã cùng ký đơn xin nghỉ không hưởng lương, chỉ đề nghị nhà trường hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp để không bị gián đoạn nên chị D không được nhà trường trả lương sau thời điểm này đến khi chấm dứt hợp đồng làm việc là đúng. Vì vậy quyết định đã tuyên Toà án cấp sơ thẩm đối với yêu cầu xét hưởng trợ cấp nhà giáo 30% trong phần lương cơ bản của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo cũng không nộp được tài liệu nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy, kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu kháng cáo của chị Trịnh Thị Thu D đề nghị tòa án cấp phúc thẩm buộc Trường Cao đẳng C bồi thường 10.000.000 đồng chi phí tố tụng và xin lỗi công khai. HĐXX xét thấy, vấn đề này tại cấp sơ thẩm, chị Trịnh Thị Thu D đã rút toàn bộ yêu cầu này tại phiên tòa sơ thẩm và được Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ, không xem xét giải quyết. Do tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu này nên tại cấp phúc thẩm HĐXX không có căn cứ xem xét đối với yêu cầu kháng cáo này.

[2.4] Đối với yêu cầu kháng cáo của chị Trịnh Thị Thu D đề nghị toà án cấp phúc thẩm buộc Trường Cao đẳng C phải trả 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 3 điều 42 Bộ luật Lao động 2012 và đề nghị xem xét số tiền chị D phải hoàn trả cho bị đơn cũng như bị đơn phải chi trả tiền lương từ thời điểm chấm dứt hợp đồng làm việc là 4-5-2021 đến ngày nhận trở lại làm việc. Xét thấy, những yêu cầu kháng cáo bổ sung trên vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu của nguyên đơn nên HĐXX không có căn cứ xem xét giải quyết.

[3] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của chị Trịnh Thị Thu D, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 12; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do chị Trịnh Thị Thu D thuộc trường hợp người lao động khởi kiện đòi tiền lương, trợ cấp mất việc làm..... nên được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Điều 12; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

2. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Trịnh Thị Thu D; Giữ nguyên các quyết định của bản án lao động sơ thẩm số 03/2023/LĐ-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

3. Án phí lao động phúc thẩm: Chị Trịnh Thị Thu D được miễn nộp án phí lao động phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND thành phố Nam Định;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

Nguyễn Đức Cảnh